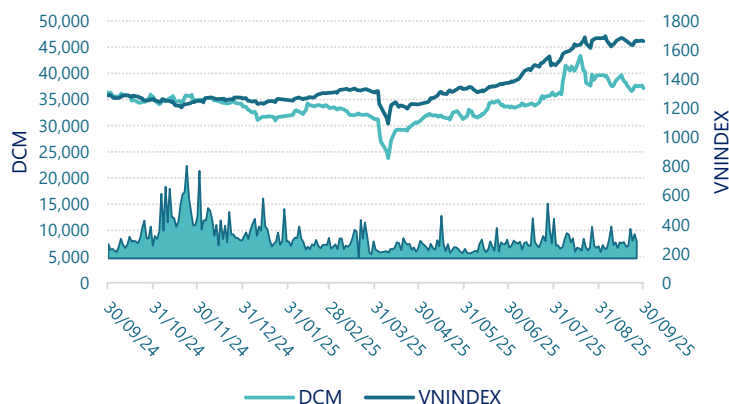


CTCP Phân bón Dầu khí Cà Mau (HSX: DCM)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 30/09/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	37,150
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	43,350
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	23,802
SL cổ phiếu LH	529,400,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	2,795,420
% sở hữu nước ngoài	4.7%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	19,667
P/E	10.9
EPS	3,414

DT thuần

Q3/25

2,988

tỷ VNĐ

QoQ: ▼3,049| -50.5%

YoY: ▲ 354| 13.4%

LN sau thuế

Q3/25

328

tỷ VNĐ

QoQ: ▼460| -58.4%

YoY: ▲ 207| 171%

Tỷ suất lãi EBIT

Q3/25

13.3%

+/- YoY: ▲ 7.8%

DT thuần

9T 2025

12,432

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 3,190| 34.5%

LN sau thuế

9T 2025

1,528

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 472| 44.7%

ROE

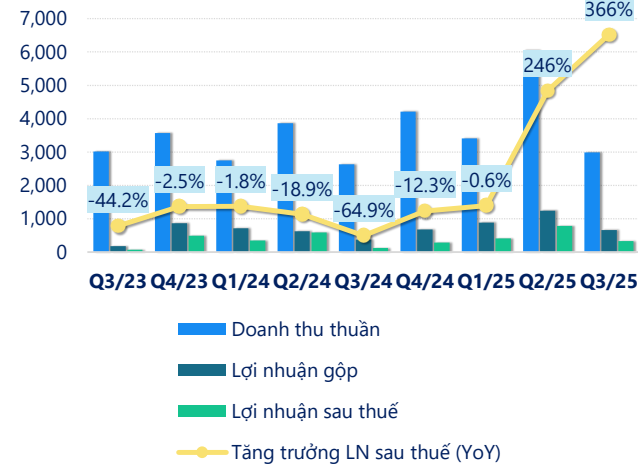
Q3/25

17.7%

+/- YoY: ▲ 1.8%

tỷ VNĐ

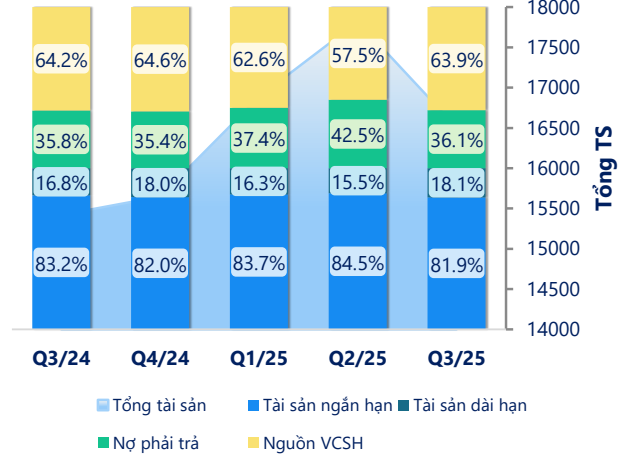
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

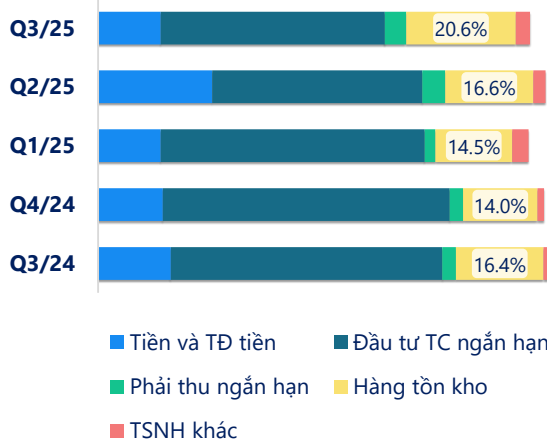
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



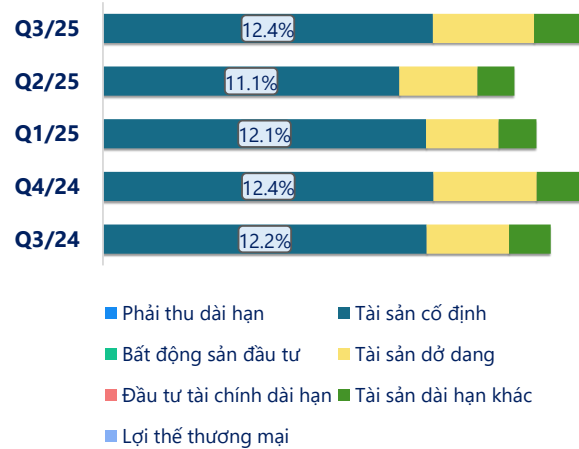
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

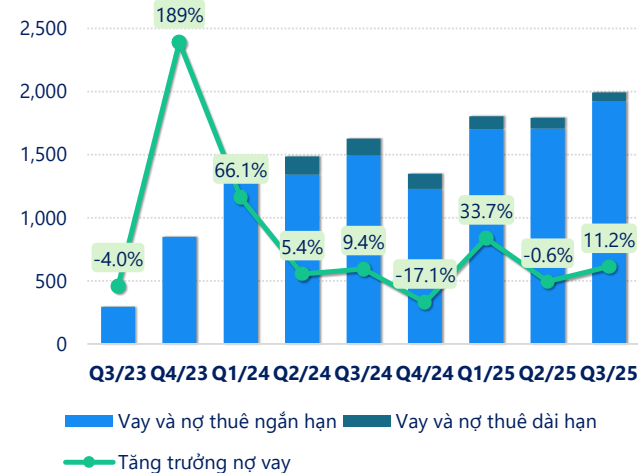
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

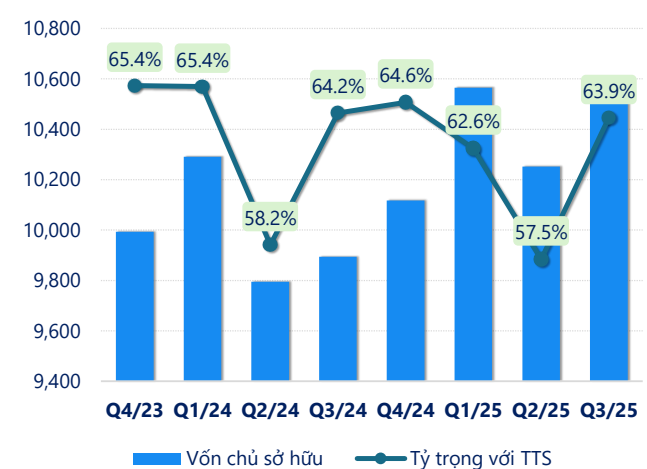
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

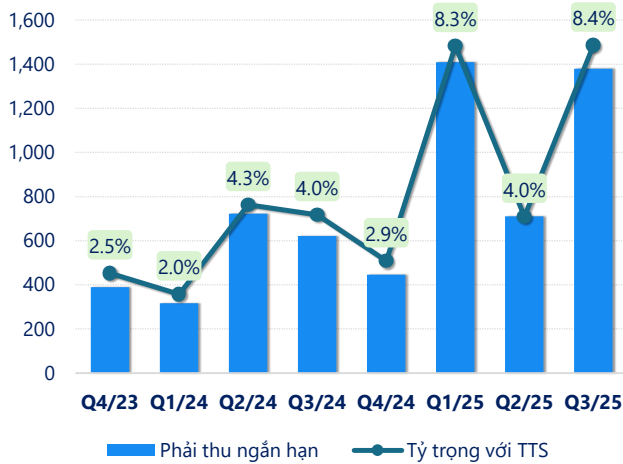
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



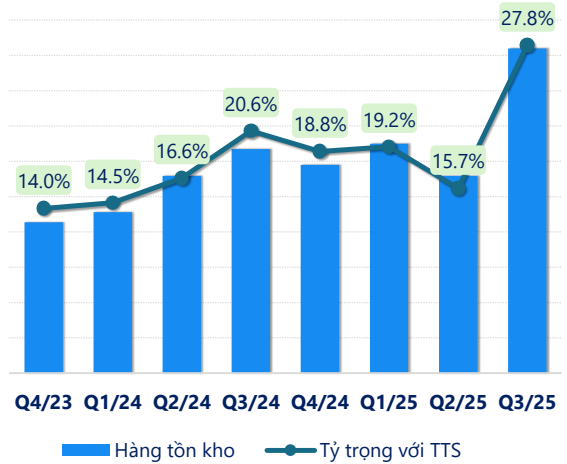
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


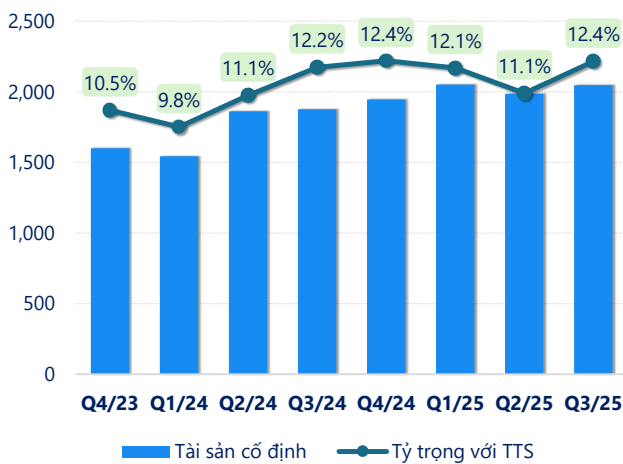
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


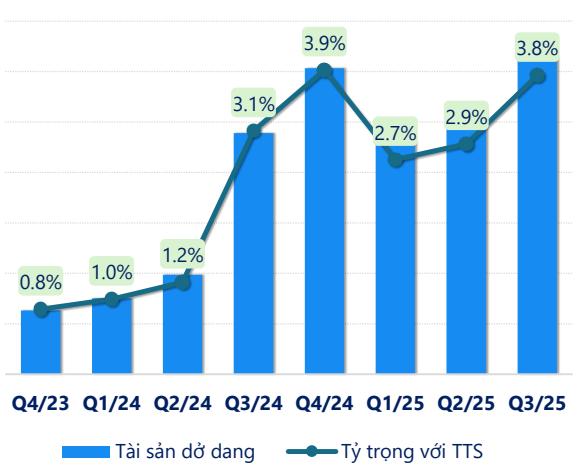
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

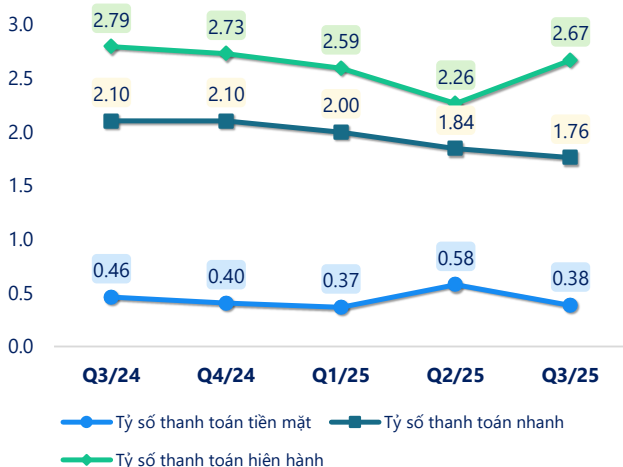
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

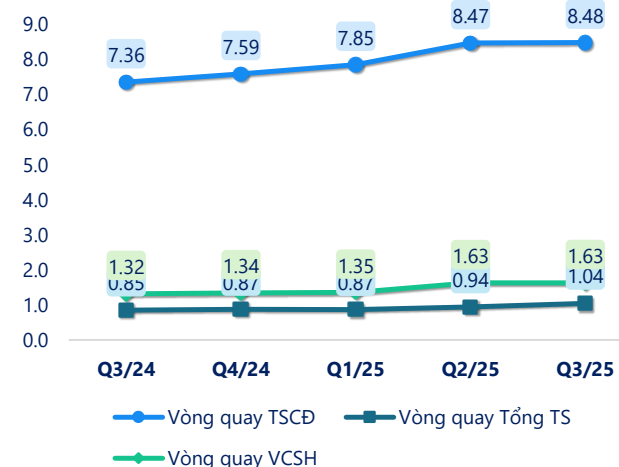
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Tổng tài sản	15,420	15,650	16,887	17,819	16,506
Tài sản ngắn hạn	12,823	12,837	14,135	15,061	13,523
Tiền và tương đương tiền	2,112	1,903	1,991	3,829	1,941
Đầu tư tài chính ngắn hạn	6,504	7,039	7,009	7,222	4,952
Phải thu ngắn hạn	622	447	1,409	711	1,379
Hàng tồn kho	3,173	2,948	3,250	2,795	4,597
Tài sản ngắn hạn khác	412	500	476	505	655
Tài sản dài hạn	2,597	2,813	2,752	2,758	2,982
Phải thu dài hạn	0.31	0.51	0.51	0.51	0.51
Tài sản cố định	1,877	1,946	2,051	1,986	2,047
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	478	607	462	523	629
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	241	260	238	248	306
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	5,525	5,532	6,323	7,568	5,951
Nợ ngắn hạn	4,591	4,706	5,453	6,653	5,073
Vay và nợ thuê ngắn hạn	1,494	1,229	1,700	1,706	1,921
Phải trả người bán ngắn hạn	1,009	1,655	1,511	1,487	1,167
Nợ dài hạn	934	826	870	914	879
Vay và nợ thuê dài hạn	133	120	103	86.4	72.3
Nguồn vốn chủ sở hữu	9,895	10,118	10,565	10,252	10,554
Vốn chủ sở hữu	9,895	10,118	10,565	10,252	10,554
Vốn điều lệ	5,294	5,294	5,294	5,294	5,294
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)